

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 06/2022/HS-ST  
Ngày 17-3-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Gấm.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Quốc Mậu.

Ông Trần Đình Mạnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Kiều Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định, Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 10/2022/TLST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. *Trần Ngọc P*, sinh năm 1975 tại Nam Định.

Nơi ĐKNKTT và nơi ở: B, xã Q, huyện V, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Trần Ngọc T, sinh năm 1948; con bà: Hoàng Thị C, sinh năm 1952; có vợ là Phạm Thị H, sinh năm 1977 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 05-8-2010 Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 21-5-2018 Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18-11-2021 đến nay. “Có mặt”.

2, *Trần Văn D*, sinh năm 1991 tại Nam Định.

Nơi ĐKNKTT và nơi ở: Xóm P, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Trần Văn P, sinh năm: 1962; con bà Phạm Thị L, sinh năm: 1965; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 08-5-2021 Ủy ban nhân dân xã T ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã theo NĐ số 111/NĐ-CP về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy thời hạn 06 tháng;

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17-11-2021 đến nay. “Có mặt”.

3. *Trần Xuân D*, sinh năm 1993 tại Nam Định.

Nơi ĐKNKTT và nơi ở: V, xã K, huyện V, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Trần Xuân H, sinh năm 1961; con bà Trần Thị Thanh H, sinh năm: 1966; có vợ là Trần Thị H, sinh năm 1993 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 24-7-2012 Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”;

Bị tạm giam từ ngày 26-11-2021 đến nay. “Có mặt”.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

\* Người làm chứng:

Anh Bùi Văn N, sinh năm: 1974; “Vắng mặt”.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 16-11-2021, tổ công tác Công an xã Q, huyện V, tỉnh Nam Định kiểm tra cư trú tại nhà anh Bùi Văn N. Tại đây có Trần Văn D và Trần Xuân D đều là bạn của N đang ngồi chơi. Khi kiểm tra, tổ công tác phát hiện, bắt quả tang Trần Văn D có hành vi tàng trữ trái phép 01 gói nhỏ ni lông màu trắng, kích thước (2 x 1,5)cm, bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng, D khai nhận đó là gói ma túy mà D và D chung tiền, D đi mua của Trần Ngọc P về để sử dụng.

Tại cơ quan điều tra, Trần Văn D, Trần Xuân D và Trần Ngọc P khai nhận hành vi của mình như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 16-11-2021, Trần Văn D một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 18S1-8295 đến nhà anh Bùi Văn N chơi. Một lúc sau, Trần Xuân D cũng đến nhà anh N chơi. Tại đây, D và D nói chuyện và thống nhất với nhau việc đi mua ma túy về để sử dụng chung. D nói với D “*Có tiền không, chuyển tao mấy trăm nghìn tao đi lấy đồ về chơi tý*” (ý của D là muốn D chung tiền mua ma túy cùng sử dụng). D đồng ý và dùng điện thoại di động chuyển số tiền 300.000 đồng từ tài khoản ngân hàng của mình vào tài khoản ngân hàng của D. Khoảng 12 giờ 25 phút cùng ngày, D điện thoại cho Trần Ngọc P để hỏi mua ma túy, P đồng ý đi mua ma túy về bán cho D. Sau đó, D một mình điều khiển xe mô tô đến nhà P, gặp nhau cả hai cùng đi vào nhà kho của P, P đưa cho D 01 gói ma túy, D cầm gói ma túy và nói “*Em chỉ có ba trăm bốn mươi nghìn đồng*”, D đưa cho P số tiền mặt 150.000 đồng, còn 190.000 đồng D dùng điện thoại của mình bấm chuyển tiền từ tài khoản của mình sang tài khoản của P. Lúc này, P nói “*Gói này là gói 5 đây*” (ý P là gói ma túy này trị giá 500.000 đồng), nên D nói “*Hai anh em mình chơi luôn ở đây một tý*” (ý D là muốn P bỏ phần ma túy dư ra của P với một phần ma túy của D vừa mua để cả hai cùng sử dụng). P đồng ý rồi lấy 01 chiếc cốc thủy tinh dạng cổ ngỗng, 01 chiếc bình tông được làm bằng chai nhựa C2, đựng nước lọc bên trong, nắp chai có gắn ống hút ra đặt xuống nền nhà kho, D

cầm gói ma túy đưa cho P để P đổ ma túy vào cống. Khi P đang đổ ma túy vào cống thì D nói “*Anh bớt lại cho em một tý để em về nhà sử dụng sau*”. Sau khi đổ xong khoảng 2/3 gói ma túy, P dùng bật lửa hơi để dính mép túi nilong đựng số ma túy còn lại rồi đưa số ma túy này cho D, D cất gói ma túy vào trong ví rồi bỏ vào túi quần phía sau đang mặc của mình. Tiếp đó, P dùng bật lửa ga hơi nóng số ma túy trong cống đến khi ma túy bốc khói rồi cùng D thay nhau sử dụng hết số ma túy trong cống. Sau khi sử dụng ma túy xong, D điều khiển xe mô tô về nhà anh N để đưa lại gói ma túy cho D. Khi D đang ngồi uống nước cùng D tại nhà anh N thì bị Cơ quan Công an phát hiện và thu giữ 01 gói ma túy có đặc điểm bên ngoài bọc bằng ni lông màu trắng, kích thước (2 x 1,5)cm, bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng, ký hiệu M1, lấy mẫu nước tiểu của D, P, D và niêm phong ký hiệu N1, N2, N3 tiến hành giám định. Ngoài ra Cơ quan Công an còn thu giữ của D 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 18S1-8295, 01 đăng ký xe, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung J7 Prime, 01 ví da màu hồng đen đã qua sử dụng; thu giữ của D 01 điện thoại di động nhãn hiệu XiaoMi màu vàng đã qua sử dụng.

Ngày 17-11-2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Ngọc P thu giữ: 01 cống thủy tinh dạng cổ ngỗng, 01 bình tông được làm bằng chai nhựa C2, đựng nước lọc bên trong, nắp chai có gắn ống hút; 01 bật lửa ga màu trắng; P tự giác giao nộp số tiền 150.000 đồng.

Ngày 17-11-2021, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Nam Định đã có bản Kết luận giám định số 1450/GĐKTHS kết luận: Mẫu rắn dạng tinh thể màu trắng trong 01 gói ni lông màu trắng kích thước (2 x 1,5)cm trong phong bì thư được niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy. Loại ma túy: Methamphetamine, có khối lượng 0,281 gam.

Ngày 24-11-2021, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Nam Định đã có bản Kết luận giám định số 1461/GĐKTHS kết luận: Mẫu bám dính chất rắn dạng tinh thể màu trắng trong 01 cống thủy tinh dạng cổ ngỗng được niêm phong gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 0,021 gam; có tìm thấy thành phần chất ma túy Methamphetamine trong 03 mẫu nước tiểu được niêm phong ký hiệu N1, N2, N3 gửi giám định.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKSVB ngày 11-02-2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Trần Ngọc P về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 256 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Trần Văn D, Trần Xuân D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo P, D, D khai nhận toàn bộ hành vi của các bị cáo như nội dung cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc P phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 256 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Trần Văn D, Trần Xuân D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; khoản 1 Điều 256; Điều 55; Điểm s Khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo P từ 24 đến 27 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và từ 24 đến 27 tháng tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội là từ 48 tháng đến 54 tháng tù.

- Áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 58; Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Văn D từ 18 tháng đến 24 tháng tù; Xử phạt bị cáo Trần Xuân D từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

- Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu cho tiêu huỷ:

01 phong bì niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định, mặt trước có ghi 1450/GĐKTHS.

01 hộp bìa cứng màu xanh KT (22x22,5x30)cm có chứa mẫu vật giám định

+ Trả lại cho Trần Xuân D: 01 xe mô tô BKS 18S1-8295, nhãn hiệu Honda Drem, sơn màu nâu; 01 đăng ký xe mô tô BKS 18S1-8295 mang tên Ninh Đức C và 01 ví da màu hồng đen đã cũ.

+ Tịch thu hoá giá sung quỹ Nhà nước:

01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung J7 Prime màu vàng, gắn sim 1 số 0942958313, gắn sim 2 số 0565920662 của Trần Văn D.

01 điện thoại di động nhãn hiệu XiaoMi màu vàng, gắn sim 1 số 0858626411, gắn sim 2 số 0974699232.

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 150.000 đồng chuyển từ tài khoản tạm giữ của Công an huyện V sang tài khoản tạm giữ của Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ

luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của các bị cáo: Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu chứng cứ của vụ án như: Biên bản kiểm tra hành chính và thu giữ vật chứng; Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; Bản kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định; Lời khai của những người làm chứng tại cơ quan điều tra; các biên bản điều tra cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 16 giờ 00 ngày 16-11-2021, tại nhà anh Bùi Văn N ở xóm Làng 1, xã Q, huyện V, tỉnh Nam Định; Công an xã Q, huyện V đã phát hiện và bắt quả tang Trần Văn D đang có hành vi cất giấu trái phép 01 gói ma túy với khối lượng 0,281gam Methamphetamine trong người nhằm mục đích sử dụng. Quá trình điều tra xác định gói ma túy trên là do Trần Văn D và Trần Xuân D chung tiền mua của Trần Ngọc P về để sử dụng; D dùng điện thoại chuyển khoản 300.000 đồng từ tài khoản của D sang tài khoản của D để D đi mua ma túy về sử dụng. Ngoài ra còn xác định Trần Ngọc P là người đã bán số ma túy trên cho D đồng thời P cho D sử dụng ma túy tại nhà kho mà P đang quản lý để sử dụng trái phép chất ma túy.

Như vậy hành vi như đã nêu trên của bị cáo Trần Ngọc P đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 256 Bộ luật Hình sự. Hành vi của các bị cáo Trần Văn D, Trần Xuân D đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[4]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tới chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy. Hành vi của các bị cáo đã gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Tệ nạn về ma túy hiện nay đang là một vấn nạn của toàn xã hội, là một trong những nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Do đó, Đảng và Nhà nước ta cũng như các nước trên thế giới đang tích cực đấu tranh, phòng chống các tệ nạn về ma túy nhằm loại bỏ ma túy ra khỏi đời sống xã hội. Vì vậy cần xử lý nghiêm trước pháp luật và có mức hình phạt tương xứng để giáo dục, cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5]. Về vai trò của các bị cáo trong đồng phạm: Trong vụ án này, bị cáo P mục đích là bán ma túy cho D để kiếm lời và đồng ý cho D sử dụng chất ma túy

cùng P ngay tại nhà kho mà P được giao quản lý. Đối với bị cáo D là người khởi xướng việc đi mua ma túy, trực tiếp gọi điện hỏi mua ma túy của P, trực tiếp đi mua ma túy về mục đích cùng D sử dụng do đó vai trò của D là cao hơn D. Đối với bị cáo D, mặc dù D không trực tiếp tàng trữ chất ma túy nhưng bản thân D cũng đồng ý chung tiền để D đi mua ma túy, số ma túy D tàng trữ trong người chủ yếu là tiền của D do đó D giữ vai trò là người giúp sức trong vụ án.

[6]. Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6.1]. Về nhân thân: Bị cáo P, ngày 05-8-2010 bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 21-5-2018 Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo D, ngày 08-5-2021 Ủy ban nhân dân xã T ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã theo ND số 111/ND-CP về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với thời hạn 06 tháng. Bị cáo D, ngày 24-7-2012 Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”;

[6.2]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: cả 03 bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6.3]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình do đó cả 03 bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo P có hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương do đó được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7]. Về đường lối xử lý hành vi phạm tội của các bị cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly cả 03 bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình, cho xã hội.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo P có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương; bị cáo D, D mục đích tàng trữ ma túy là để sử dụng do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cả 03 bị cáo.

[9]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các vật chứng là chất ma túy cần tịch thu cho tiêu hủy. Đối với 02 điện thoại di động của D và D dùng đã dùng vào việc chuyển khoản và nhận chuyển khoản tiền mua ma túy do đó cần tịch thu cho hoá giá để sung quỹ Nhà nước. Đối với số tiền 150.000 đồng là số tiền dùng vào việc mua bán ma túy do đó cũng tịch thu sung quỹ nhà nước; 01 chiếc xe mô tô, 01 đăng ký xe mô tô BKS 18S1-8295 và 01 ví da màu hồng của Trần Văn D không liên quan đến việc tàng trữ chất ma túy do đó trả lại cho Trần Văn D.

\* Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Trần Xuân D ngày 15-11-2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ.

[10]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 251; khoản 1 Điều 256; Điều 55; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Ngọc P.

Căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 249; Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Văn D, Trần Xuân D.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

2. Tuyên bố:

- Bị cáo Trần Ngọc P phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Bị cáo Trần Văn D và bị cáo Trần Xuân D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

3. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Trần Ngọc P 24 (*hai bốn*) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 24 (*hai bốn*) tháng tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội là 48 (*bốn tám*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18-11-2021.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn D 21 (*hai một*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17-11-2021.

- Xử phạt bị cáo Trần Xuân D 18 (*mười tám*) tháng, thời hạn tù tính từ ngày 26-11-2021.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu cho tiêu hủy:

+ 01 phong bì niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định, mặt trước có ghi 1450/GĐKTHS.

+ 01 hộp bìa cứng màu xanh KT (22x22,5x30)cm có chứa mẫu vật giám định.

- Trả lại cho Trần Xuân D: 01 xe mô tô BKS 18S1-8295, nhãn hiệu Honda Drem, sơn màu nâu; 01 đăng ký xe mô tô BKS 18S1-8295 và 01 ví da màu hồng đen đã cũ.

- Tịch thu hoá giá sung quỹ Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung J7 Prime màu vàng, gắn sim 1 số 0942958313, gắn sim 2 số 0565920662 của Trần Văn D.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu XiaoMi màu vàng, gắn sim 1 số 0858626411, gắn sim 2 số 0974699232.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 150.000 đồng chuyển từ tài khoản tạm giữ của Công an huyện V sang tài khoản tạm giữ của Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

(Như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an huyện V và Chi cục thi hành án dân sự huyện V ngày 16-02-2022).

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Trần Ngọc P, Trần Văn D, Trần Xuân D mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Bị cáo.
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh + huyện;
- Sở Tư pháp tỉnh ND.
- Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Phòng PV 06 + PC 10 CA tỉnh ND;
- UBND các xã: Q + K + T, huyện V, ND
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Gấm**